VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2020/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai phục vụ hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

Điều 3. Các loại thiên tai được dự báo, cảnh báo và truyền tin

1. Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động trên vùng biển phía Tây kinh tuyến 120^0 Đông, phía Bắc vĩ tuyến 05^0 Bắc và phía Nam vĩ tuyến 23^0 Bắc (sau đây gọi là Biển Đông, Phụ lục I Quyết định này) và trên đất liền lãnh thổ Việt Nam; nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động ngoài khu vực Biển Đông, nhưng có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong khoảng 24 đến 48 giờ tới.

3. Mưa lớn xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam; lũ trên các sông thuộc lãnh thổ Việt Nam và các sông liên quốc gia liên quan (Phụ lục II, Phụ lục III Quyết định này); ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) ảnh hưởng đến Việt Nam.

6. Động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

7. Sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam.

8. Các thiên tai lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối, sương mù, gió mạnh trên biển, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng không do áp thấp nhiệt đới, bão và các loại thiên tai khác xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xoáy thuận nhiệt đới là vùng gió xoáy (đường kính có thể tới hàng trăm km) hình thành trên biển nhiệt đới, gió thổi xoáy vào trung tâm theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, áp suất khí quyển (khí áp) trong xoáy thuận nhiệt đới thấp hơn xung quanh, có mưa, đôi khi kèm theo dông, tố, lốc.

2. Tâm xoáy thuận nhiệt đới là vùng có trị số khí áp thấp nhất trong xoáy thuận nhiệt đới, nơi hội tụ của các luồng gió xoáy từ xung quanh thổi vào.

3. Sức gió mạnh nhất trong xoáy thuận nhiệt đới là tốc độ gió trung bình lớn nhất xác định trong thời gian 02 phút quan trắc (tính bằng cấp gió Bô-pho, Phụ lục IV Quyết định này).

4. Gió giật là gió với tốc độ tăng lên tức thời, được xác định trong khoảng hai (02) giây.

5. Gió mạnh trên biển là gió với tốc độ từ cấp 6 trở lên xảy ra trên biển, xác định trung bình trong khoảng thời gian 02 phút quan trắc (tính bằng cấp gió Bô-pho).

6. Áp thấp nhiệt đới là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 6 đến cấp 7 và có thể có gió giật (Phụ lục IV Quyết định này).

7. Bão là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật. Bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 10 đến cấp 11 gọi là bão mạnh, từ cấp 12 đến cấp 15 gọi là bão rất mạnh, từ cấp 16 trở lên gọi là siêu bão (Phụ lục IV Quyết định này).

8. Bão hoặc áp thấp nhiệt đới đổ bộ là khi tâm bão, tâm áp thấp nhiệt đới đã vào đất liền.

9. Bão hoặc áp thấp nhiệt đới tan là bão, áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành vùng áp thấp có sức gió mạnh nhất dưới cấp 6.

10. Vùng gió mạnh do hoàn lưu của bão hoặc áp thấp nhiệt đới gây nên là vùng có gió xoáy mạnh từ cấp 6 trở lên.

11. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão hoặc áp thấp nhiệt đới là vùng thời tiết xấu, có mưa, có gió mạnh từ cấp 6 trở lên do bão hoặc áp thấp nhiệt đới gây ra.

12. Nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão.

13. Sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão là những con sóng trên biển có độ cao từ 2 mét trở lên do áp thấp nhiệt đới hoặc bão gây ra.

14. Lốc là luồng gió xoáy có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão nhưng được hình thành và tan trong thời gian ngắn, phạm vi hoạt động hẹp từ vài km^2 đến vài chục km^2.

15. Sét là hiện tượng phóng điện trong đám mây, giữa các đám mây với nhau hoặc giữa đám mây với mặt đất.

16. Mưa đá là mưa dưới dạng cục băng hoặc hạt băng có kích thước, hình dạng khác nhau, xảy ra trong thời gian ngắn, kèm theo mưa rào, đôi khi có gió mạnh.

17. Mưa lớn là hiện tượng mưa với tổng lượng mưa đạt trên 50 mm trong 24 giờ, trong đó mưa với tổng lượng mưa từ trên 50 mm đến 100 mm trong 24 giờ là mưa to, mưa với tổng lượng mưa trên 100 mm trong 24 giờ là mưa rất to.

18. Mưa lớn diện rộng là mưa lớn xảy ra từ một nửa số trạm trở lên trong toàn bộ số trạm quan trắc của khu vực đó.

19. Rét hại là hiện tượng thời tiết khi nhiệt độ không khí trung bình ngày xuống dưới 13 độ C.

20. Sương muối là hiện tượng hơi nước đóng băng thành các hạt nhỏ và trắng như muối ngay trên mặt đất hay bề mặt cây cỏ hoặc các vật thể khác.

21. Sương mù là hiện tượng hơi nước ngưng tụ thành các hạt nhỏ li ti trong lớp không khí sát bề mặt trái đất, làm giảm tầm nhìn ngang xuống dưới 1 km.

22. Nắng nóng là hiện tượng thời tiết khi nhiệt độ không khí cao nhất trong ngày vượt quá 35 độ C.

23. Nắng nóng diện rộng là nắng nóng xảy ra từ một nửa số trạm trở lên trong toàn bộ số trạm quan trắc của khu vực đó.

24. Hạn hán là hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước.

25. Xâm nhập mặn là hiện tượng nước mặn với nồng độ mặn bằng 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng khi xảy ra triều cường, nước biển dâng hoặc cạn kiệt nguồn nước ngọt.

26. Lũ là hiện tượng mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống, trong đó:

a) Lũ lịch sử là lũ có đỉnh lũ cao nhất trong chuỗi số liệu quan trắc hoặc do điều tra khảo sát được;

b) Lũ đặc biệt lớn là lũ có đỉnh lũ cao hiếm thấy trong thời kỳ quan trắc;

c) Lũ bất thường là lũ xuất hiện trước hoặc sau mùa lũ quy định tại khoản 28 Điều này hoặc lũ được hình thành do mưa lớn xảy ra trong phạm vi nhỏ, hồ chứa xả nước, do vỡ đập, tràn đập, vỡ đê, tràn đê.

27. Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ trên sườn dốc và trên các sông suối nhỏ miền núi, dòng chảy xiết, thường kèm theo bùn đá, lũ lên nhanh, xuống nhanh, có sức tàn phá lớn.

28. Mùa lũ là khoảng thời gian liên tục trong một năm thường xuất hiện lũ, được xác định như sau:

a) Trên các sông thuộc Bắc Bộ, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 31 tháng 10;

b) Trên các sông từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Hà Tĩnh, từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11;

c) Trên các sông từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Ninh Thuận, từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12;

d) Trên các sông thuộc tỉnh Bình Thuận, các tỉnh thuộc Nam Bộ và Tây Nguyên, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 30 tháng 11.

29. Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng.

30. Sạt lở đất là hiện tượng đất, đá bị sạt, trượt, lở do tác động của mưa, lũ hoặc dòng chảy.

31. Sụt lún đất do mưa lũ, dòng chảy là hiện tượng đất bị tụt xuống thấp hơn so với khu vực xung quanh.

32. Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

33. Cấp độ rủi ro thiên tai là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

34. Tình trạng khẩn cấp về thiên tai là tình huống khi các loại thiên tai quy định tại Điều 3 Quyết định này ở mức rủi ro thiên tai cấp độ 5, có khả năng gây thảm họa, thiệt hại nặng nề về tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng, môi trường sinh thái.

35. Động đất là sự rung động mặt đất bởi sự giải phóng đột ngột năng lượng trong vỏ trái đất dưới dạng sóng địa chấn, có thể gây ra biến dạng trên mặt đất, phá hủy nhà cửa, công trình, của cải và sinh mạng con người.

36. Chấn tiêu là vị trí nguồn phát sinh ra trận động đất.

37. Chấn tâm động đất là hình chiếu theo chiều thẳng đứng của chấn tiêu lên bề mặt trái đất.

38. Độ sâu chấn tiêu là khoảng cách từ chấn tiêu đến chấn tâm.

39. Cường độ chấn động trên bề mặt (ký hiệu I) là đại lượng biểu thị khả năng rung động do một trận động đất gây ra trên mặt đất và được đánh giá qua mức độ tác động của nó đối với nhà cửa, công trình, mặt đất, đồ vật, con người. Trong Quyết định này, cường độ chấn động trên bề mặt được đánh giá theo thang MSK-64 gồm 12 cấp (Phụ lục IX Quyết định này).

Quan hệ giữa độ lớn động đất, loại động đất, cường độ chấn động, tác động và tần suất xuất hiện mỗi năm trên thế giới được nêu tại Phụ lục X. Bản đồ phân vùng động đất trên lãnh thổ Việt Nam và vùng phụ cận thể hiện tại Phụ lục XI Quyết định này.

40. Độ lớn động đất (ký hiệu M) là đại lượng đặc trưng cho mức năng lượng mà trận động đất phát và truyền ra không gian xung quanh dưới dạng sóng đàn hồi. Trong Quyết định này, độ lớn động đất sử dụng thang độ moment. Động đất được phân thành các loại: Vi động đất ($M < 2,0$), động đất yếu ($2,0 \le M \le 3,9$), động đất nhẹ ($4,0 \le M \le 4,9$), động đất trung bình ($5,0 \le M \le 5,9$), động đất mạnh ($6,0 \le M \le 6,9$), động đất rất mạnh ($7,0 \le M \le 7,9$) và động đất hủy diệt ($M \ge 8,0$).

41. Sóng thần là chuỗi sóng biển chu kỳ dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với vận tốc lớn. Tùy theo độ sâu đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể đạt từ 720 km/giờ trở lên.

Động đất, núi lửa phun trào và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả các vụ thử hạt nhân dưới nước), trượt lở đất, va chạm của các thiên thạch,… xảy ra trên biển đều có khả năng gây ra sóng thần. Bản đồ các vùng nguồn phát sinh động đất có khả năng gây sóng thần ảnh hưởng tới Việt Nam thể hiện tại Phụ lục XII Quyết định này.

42. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần là vùng biển nông ven bờ và vùng đất nằm trong phạm vi sóng thần có thể lan truyền tới. Tùy thuộc vào độ cao địa hình, sóng thần có thể ảnh hưởng trực tiếp sâu vào đất liền hàng ki-lô-mét tính từ bờ biển.

Điều 5. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo các loại thiên tai quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 3 Quyết định này trên phạm vi cả nước, trong đó bản tin dự báo, cảnh báo lũ trên các sông quy định tại Phụ lục II;

b) Đài Khí tượng Thủy văn khu vực, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo các loại thiên tai quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 8 Điều 3 Quyết định này trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, trong đó bản tin dự báo, cảnh báo lũ trên các sông quy định tại Phụ lục III; thực hiện chi tiết hóa các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia cho phù hợp với yêu cầu phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương.

2. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có trách nhiệm ban hành các bản tin động đất, cảnh báo sóng thần quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Quyết định này.

3. Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai do các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này ban hành là bản tin chính thức, được sử dụng trong chỉ đạo điều hành hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai ở Việt Nam.

Điều 6. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai

1. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam.

2. Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan báo chí.

3. Các cơ quan quản lý hệ thống truyền tin về thiên tai.

Chương II
DỰ BÁO, CẢNH BÁO THIÊN TAI

Mục 1
DỰ BÁO, CẢNH BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO, SÓNG LỚN, NƯỚC DÂNG DO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

Điều 7. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới

1. Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông

Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

2. Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông

Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông, có vị trí tâm cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền Việt Nam từ 300 km trở lên và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

3. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp

Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Vị trí tâm áp thấp nhiệt đới cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền Việt Nam dưới 300 km;

b) Áp thấp nhiệt đới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

4. Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền

Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đổ bộ vào đất liền;

b) Bão đã đổ bộ vào đất liền và suy yếu thành áp thấp nhiệt đới.

5. Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới

Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành một vùng áp thấp;

b) Áp thấp nhiệt đới đã đổ bộ vào nước khác hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam;

c) Áp thấp nhiệt đới đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

6. Tin sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới

Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới được ban hành ngay khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp.

Điều 8. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo bão, sóng lớn, nước dâng do bão

1. Tin bão gần Biển Đông

Tin bão gần Biển Đông được ban hành khi bão hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 48 giờ tới.

2. Tin bão trên Biển Đông

Tin bão trên Biển Đông được ban hành khi bão hoạt động trên Biển Đông, có vị trí tâm bão cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền Việt Nam từ 300 km trở lên và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới.

3. Tin bão khẩn cấp

Tin bão khẩn cấp được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Vị trí tâm bão cách điểm gần nhất thuộc bờ biển đất liền Việt Nam dưới 300 km;

b) Bão có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới.

4. Tin bão trên đất liền

Tin bão trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Tâm bão đã đi vào đất liền Việt Nam và sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 8 trở lên;

b) Tâm bão đã đổ bộ vào nước khác, nhưng sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 8 trở lên và có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

5. Tin cuối cùng về cơn bão

Tin cuối cùng về cơn bão được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Bão đã suy yếu thành một vùng áp thấp;

b) Bão đã đổ bộ vào nước khác hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam;

c) Bão đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

6. Tin sóng lớn, nước dâng do bão

Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do bão được ban hành ngay khi phát tin bão khẩn cấp.

Điều 9. Nội dung tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới

1. Tiêu đề tin áp thấp nhiệt đới: Được ghi tương ứng theo tên từ khoản 1 đến khoản 5 Điều 7 Quyết định này.

2. Thông tin tóm tắt về thực trạng áp thấp nhiệt đới tại thời điểm gần nhất

a) Thời gian: Theo giờ tròn, giờ Hà Nội;

b) Vị trí tâm áp thấp nhiệt đới: Xác định theo tọa độ kinh, vĩ với mức độ chính xác đến 1/10 độ; trường hợp không xác định được vị trí tâm áp thấp nhiệt đới tại một điểm tọa độ thì xác định vị trí tâm áp thấp nhiệt đới trong ô vuông, mỗi cạnh bằng một (01) độ kinh, vĩ;

c) Khoảng cách gần nhất từ vị trí tâm áp thấp nhiệt đới đến một trong các địa điểm: Đảo hoặc quần đảo trên Biển Đông; một địa danh cụ thể trên đất liền Việt Nam hoặc nước lân cận;

d) Cường độ áp thấp nhiệt đới: Báo bằng cấp gió Bô-pho đối với gió mạnh nhất và gió giật trong áp thấp nhiệt đới;

đ) Hướng di chuyển của áp thấp nhiệt đới: Xác định theo 1 trong 16 hướng Bắc, Bắc Đông Bắc, Đông Bắc, Đông Đông Bắc, Đông, Đông Đông Nam, Đông Nam, Nam Đông Nam, Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam, Tây, Tây Tây Bắc, Tây Bắc, Bắc Tây Bắc;

e) Tốc độ di chuyển: Tính bằng km/giờ;

g) Khi áp thấp nhiệt đới đã trực tiếp ảnh hưởng đến các đảo, đất liền cần thông tin về số liệu đã quan trắc được tại các trạm trong khu vực ảnh hưởng.

3. Dự báo diễn biến của áp thấp nhiệt đới

a) Dự báo diễn biến của áp thấp nhiệt đới trong 24 giờ đến 48 giờ tới với các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cảnh báo về hướng, tốc độ di chuyển và cường độ của áp thấp nhiệt đới trong khoảng thời gian từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

c) Bản đồ dự báo quĩ đạo của áp thấp nhiệt đới, bán kính gió mạnh và vòng tròn xác suất 70% tâm áp thấp nhiệt đới có thể đi vào.

4. Dự báo về ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới

a) Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông: Dự báo thời gian tâm áp thấp nhiệt đới đi vào Biển Đông, ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới đến các vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

b) Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông: Dự báo ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

c) Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp và Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền: Dự báo khu vực ảnh hưởng trực tiếp của áp thấp nhiệt đới; dự kiến thời điểm và khu vực đổ bộ của áp thấp nhiệt đới; phạm vi ảnh hưởng của gió mạnh cấp 6, cấp 7; mưa lớn và các loại thiên tai khác trong 12 giờ, 24 giờ tới;

d) Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới: Dự báo khả năng mưa lớn và các loại thiên tai khác.

5. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

7. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 10. Nội dung tin dự báo, cảnh báo bão

1. Tiêu đề tin bão: Được ghi tương ứng theo tên từ khoản 1 đến khoản 5 Điều 8 Quyết định này kèm theo số hiệu cơn bão được xác định theo thứ tự các cơn bão hoạt động trên Biển Đông trong năm; không đặt số hiệu cho những cơn bão gần Biển Đông.

2. Thông tin tóm tắt về thực trạng bão tại thời điểm gần nhất

a) Thời gian: Theo giờ tròn, giờ Hà Nội;

b) Vị trí tâm bão: Xác định theo tọa độ kinh, vĩ với mức độ chính xác đến 1/10 độ;

c) Khoảng cách gần nhất từ vị trí tâm bão đến một trong các địa điểm: Đảo hoặc quần đảo trên Biển Đông; một địa danh cụ thể trên đất liền Việt Nam hoặc nước lân cận;

d) Cường độ bão: Tính bằng cấp gió Bô-pho đối với gió mạnh nhất và gió giật trong bão;

đ) Hướng di chuyển của bão: Xác định theo 1 trong 16 hướng Bắc, Bắc Đông Bắc, Đông Bắc, Đông Đông Bắc, Đông, Đông Đông Nam, Đông Nam, Nam Đông Nam, Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam, Tây, Tây Tây Bắc, Tây Bắc, Bắc Tây Bắc;

e) Tốc độ di chuyển: Báo bằng km/giờ;

g) Khi bão đã trực tiếp ảnh hưởng đến các đảo, đất liền cần thông tin về số liệu đã quan trắc được tại các trạm trong khu vực ảnh hưởng.

3. Dự báo diễn biến của bão

a) Dự báo diễn biến của bão trong 24 giờ, đến 48 giờ và đến 72 giờ tới với các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cảnh báo về hướng, tốc độ di chuyển và cường độ của bão trong khoảng thời gian từ 72 giờ đến 120 giờ tới;

c) Bản đồ dự báo quỹ đạo của bão, bán kính gió mạnh và vòng tròn xác suất 70% tâm bão có thể đi vào.

4. Dự báo về ảnh hưởng của bão

a) Tin bão gần Biển Đông: Dự báo thời gian tâm bão đi vào Biển Đông và ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến các vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

b) Tin bão trên Biển Đông: Dự báo ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn; cụ thể thông tin về phạm vi ảnh hưởng của gió bão mạnh, sóng lớn, tình trạng biển trong 24 giờ, 48 giờ và đến 72 giờ tới; cảnh báo đến 120 giờ tới;

c) Tin bão khẩn cấp: Dự báo ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; dự báo thời điểm và khu vực đổ bộ của bão; phạm vi ảnh hưởng của gió bão mạnh, mưa lớn và các loại thiên tai khác trong 12 giờ, 24 giờ, 48 giờ;

d) Tin bão trên đất liền và Tin cuối cùng về cơn bão: Dự báo khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão; dự báo, cảnh báo mưa lớn và các loại thiên tai khác do ảnh hưởng của hoàn lưu bão.

5. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do bão theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

7. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 11. Nội dung bản tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

1. Nội dung tin dự báo, cảnh báo sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão kèm theo tên vùng biển bị ảnh hưởng;

b) Thông tin độ cao sóng lớn nhất, hướng sóng thịnh hành và khu vực sóng lớn trong 24 giờ qua;

c) Dự báo độ cao sóng lớn nhất, hướng sóng thịnh hành và cảnh báo khu vực sóng lớn trong 24 giờ, 48 giờ;

d) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Nội dung tin dự báo, cảnh báo nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo nước dâng do bão, áp thấp nhiệt đới kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Thông tin về nước dâng tại khu vực bão ảnh hưởng trong 24 giờ qua (nếu có);

c) Dự báo độ cao và thời điểm xuất hiện nước dâng lớn nhất, mực nước tổng cộng lớn nhất, phân bố nước dâng lớn nhất quanh khu vực bão ảnh hưởng và nhận định về nguy cơ ngập lụt ven bờ do nước dâng kết hợp với thủy triều;

d) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 12. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

1. Tin bão gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông

a) Mỗi ngày ban hành 4 bản tin chính vào 2 giờ 30, 9 giờ 00, 14 giờ 30 và 21 giờ 00;

b) Trường hợp áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông diễn biến phức tạp, ngoài 4 bản tin chính, cần ban hành một số bản tin bổ sung xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão trên Biển Đông, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền

a) Mỗi ngày ban hành 8 bản tin chính vào 2 giờ 30, 5 giờ 00, 9 giờ 00, 11 giờ 00, 14 giờ 30, 17 giờ 00, 21 giờ 00 và 23 giờ 00;

b) Trong thời gian có tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, tin bão khẩn cấp và những trường hợp áp thấp nhiệt đới, bão diễn biến phức tạp, ngoài 8 bản tin chính, cần ban hành một số bản tin bổ sung xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành cùng tần suất và thời gian với bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc lồng ghép trong các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão khẩn cấp.

Mục 2
DỰ BÁO, CẢNH BÁO MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT DO MƯA LŨ HOẶC DÒNG CHẢY

Điều 13. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Tin cảnh báo, dự báo mưa lớn

a) Tin cảnh báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trên diện rộng trước 48 giờ;

b) Tin dự báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trên diện rộng trước 24 giờ.

2. Tin cảnh báo lũ

Tin cảnh báo lũ được ban hành khi phát hiện mực nước trong sông có khả năng lên mức báo động I và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường.

3. Tin lũ

Tin lũ được ban hành khi mực nước trong sông đạt mức báo động II và còn tiếp tục lên hoặc khi mực nước trong sông đã xuống, nhưng vẫn còn cao hơn hoặc ở mức báo động II.

4. Tin lũ khẩn cấp

Tin lũ khẩn cấp được ban hành khi mực nước trong sông đạt mức báo động III và còn tiếp tục lên, hoặc khi mực nước trong sông đã xuống, nhưng vẫn còn cao hơn hoặc ở mức báo động III.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường hoặc nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng; tin cảnh báo ngập lụt có thể được ban hành thành bản tin độc lập hoặc lồng ghép trong tin cảnh báo lũ, tin lũ, lũ khẩn cấp.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành khi:

a) Phát hiện mưa lớn có khả năng gây lũ quét, sạt lở đất trên khu vực cảnh báo;

b) Phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đê, vỡ đập, vỡ hồ chứa, xả lũ… có khả năng gây lũ quét, sạt lở đất trên khu vực cảnh báo.

Điều 14. Nội dung dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Tin cảnh báo mưa lớn

a) Tiêu đề Tin cảnh báo mưa lớn diện rộng kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Cảnh báo khả năng xảy ra mưa lớn: thời gian mưa, tổng lượng mưa, khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo mưa lớn

a) Tiêu đề Tin dự báo mưa lớn diện rộng kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Diễn biến mưa đã qua: thời gian mưa, khu vực mưa, cấp mưa, tổng lượng mưa trong 24 giờ qua;

c) Dự báo diễn biến mưa lớn trong 24 giờ đến 48 giờ tới: thời gian mưa, khu vực mưa, cấp mưa, tổng lượng mưa phổ biến;

d) Cảnh báo khả năng diễn biến mưa lớn từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin cảnh báo lũ

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lũ kèm theo tên khu vực, tên tỉnh hoặc tên sông báo tin lũ;

b) Hiện trạng mưa, mực nước trên lưu vực;

c) Cảnh báo: khu vực có khả năng xảy ra lũ, cấp báo động lũ có thể xảy ra; khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm (nếu có);

d) Thời gian ban hành tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin lũ và tin lũ khẩn cấp

a) Tiêu đề Tin lũ và tin lũ khẩn cấp kèm theo tên khu vực, tên tỉnh hoặc tên sông báo tin lũ;

b) Hiện trạng diễn biến mưa sinh lũ, lũ trong 12 giờ qua và số liệu thực đo về mực nước tại thời điểm gần nhất;

c) Dự báo: khả năng diễn biến của lũ trong thời hạn dự báo; mực nước lũ dự báo và so sánh với mực nước tương ứng với các cấp báo động hoặc với mực nước đỉnh lũ trong các trận lũ đặc biệt lớn, lũ lịch sử;

d) Cảnh báo khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm (nếu có);

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

a) Tiêu đề Tin cảnh báo ngập lụt kèm theo tên khu vực, địa điểm báo tin ngập lụt;

b) Hiện trạng mưa, mực nước hoặc triều cường, nước biển dâng trên khu vực;

c) Cảnh báo các đặc trưng ngập lụt: phạm vi, thời gian, độ sâu ngập lụt lớn nhất;

d) Thời gian ban hành tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất kèm theo tên khu vực, địa điểm báo tin;

b) Tình hình mưa trên lưu vực trong 6 giờ qua;

c) Cảnh báo mưa trong thời gian tiếp theo;

d) Cảnh báo các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Thời gian ban hành bản tin;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 15. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Tin dự báo, cảnh báo mưa lớn

a) Tin cảnh báo mưa lớn đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện mưa lớn trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo mưa lớn tiếp theo được ban hành mỗi ngày 02 bản tin vào lúc 9 giờ 30 và 15 giờ 30;

b) Tin dự báo mưa lớn mỗi ngày ban hành 4 bản tin vào 3 giờ 30, 9 giờ 30, 15 giờ 30 và 21 giờ 30; trong trường hợp xảy ra mưa đặc biệt lớn hoặc rất nguy hiểm, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin cảnh báo lũ

a) Tin cảnh báo lũ đầu tiên được ban hành khi phát hiện mực nước trong sông có khả năng lên mức báo động I và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường;

b) Các tin cảnh báo lũ tiếp theo được ban hành mỗi ngày 01 bản tin vào lúc 9 giờ 30.

3. Tin lũ

a) Lũ trên sông Hồng, sông Thái Bình, mỗi ngày ban hành 02 bản tin vào 9 giờ 30, 15 giờ 30; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung thêm 01 bản tin vào 21 giờ 30;

b) Lũ trên khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, 03 ngày ban hành 01 bản tin vào 9 giờ 30; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

c) Lũ trên các sông khác, mỗi ngày ban hành 03 bản tin vào 9 giờ 30, 15 giờ 30 và 21 giờ 30; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung thêm 01 bản tin vào 3 giờ 30.

4. Tin lũ khẩn cấp

a) Lũ trên sông Hồng, sông Thái Bình, mỗi ngày ban hành 03 bản tin chính vào 9 giờ 30, 15 giờ 30 và 21 giờ 30; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

b) Lũ trên khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, 02 ngày ban hành 01 bản tin vào 9 giờ 30; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

c) Lũ trên các sông khác, mỗi ngày ban hành 4 bản tin chính vào 3 giờ 30, 9 giờ 30, 15 giờ 30 và 21 giờ 30; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

Tin cảnh báo ngập lụt ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường hoặc nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt, ngập úng cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc theo tần suất của tin cảnh báo lũ, tin lũ và tin lũ khẩn cấp.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành ngay sau khi phát hiện khả năng xuất hiện các hiện tượng lũ quét, sạt lở đất trên khu vực cảnh báo.

7. Đối với các sông ở địa phương không được quy định trong phụ lục II và phụ lục III, các cơ quan ban hành bản tin dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này căn cứ yêu cầu của hoạt động phòng, chống lũ và đặc điểm từng sông hoặc hệ thống sông để quyết định về thời gian và tần suất ban hành bản tin dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt.

Mục 3
DỰ BÁO, CẢNH BÁO NẮNG NÓNG, HẠN HÁN VÀ XÂM NHẬP MẶN

Điều 16. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn

1. Tin dự báo, cảnh báo nắng nóng

a) Tin cảnh báo nắng nóng được ban hành khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra trên diện rộng trước 48 giờ;

b) Tin dự báo nắng nóng được ban hành khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra trên diện rộng trước 24 giờ.

2. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán

Tin dự báo, cảnh báo hạn hán được ban hành khi phát hiện nguy cơ xảy ra hạn hán trong khu vực dự báo.

3. Tin dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tin cảnh báo xâm nhập mặn được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực cảnh báo;

b) Tin dự báo xâm nhập mặn được ban hành khi xuất hiện hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực dự báo.

Điều 17. Nội dung tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn

1. Tin cảnh báo nắng nóng

a) Tiêu đề Tin cảnh báo nắng nóng diện rộng trên khu vực cụ thể;

b) Cảnh báo khả năng nắng nóng: thời gian xảy ra nắng nóng, khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo nắng nóng

a) Tiêu đề Tin dự báo nắng nóng diện rộng trên khu vực cụ thể;

b) Hiện trạng nắng nóng trong 24 giờ qua: khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất, độ ẩm tương đối thấp nhất;

c) Dự báo diễn biến nắng nóng trong 24 giờ đến 48 giờ tới: khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất, độ ẩm tương đối thấp nhất, thời gian nắng nóng trong ngày;

d) Cảnh báo khả năng tiếp diễn, khả năng kết thúc nắng nóng từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo hạn hán kèm theo tên khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng của hạn hán;

b) Hiện trạng diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước trên lưu vực, khu vực dự báo; tỷ lệ phần trăm (%) thiếu hụt tổng lượng mưa, tổng lượng nước trên khu vực so với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ và giá trị trung bình cùng thời kỳ năm trước đó;

c) Dự báo, cảnh báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước trên khu vực dự báo trong thời hạn dự báo; tỷ lệ phần trăm (%) thiếu hụt tổng lượng mưa, tổng lượng nước dự báo trên khu vực trong thời hạn dự báo so với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tiêu đề Tin cảnh báo xâm nhập mặn kèm theo tên lưu vực sông hay khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn;

b) Hiện trạng nguồn nước và diễn biến thủy triều trên lưu vực được cảnh báo;

c) Cảnh báo các khu vực có nguy cơ xảy ra xâm nhập mặn với độ mặn 4‰ trở lên sâu trong nội đồng;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

5. Tin dự báo xâm nhập mặn

a) Tiêu đề Tin dự báo xâm nhập mặn kèm theo tên lưu vực sông hay khu vực chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn;

b) Hiện trạng nguồn nước, diễn biến thủy triều và xâm nhập mặn trên lưu vực được dự báo: độ mặn cao nhất tại các vị trí dự báo, khoảng cách chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn với độ mặn 4‰ trở lên tính từ cửa sông chính;

c) Dự báo: độ mặn cao nhất, thời gian xuất hiện tại các vị trí, phạm vi, thời gian chịu ảnh hưởng của độ mặn 4‰ trở lên, khoảng cách chịu ảnh hưởng của độ mặn 4‰ trở lên tính từ cửa sông chính;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 18. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn

1. Tin dự báo, cảnh báo nắng nóng

a) Tin cảnh báo nắng nóng đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện nắng nóng trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo nắng nóng tiếp theo được ban hành mỗi ngày 01 bản tin vào lúc 15 giờ 30.

b) Tin dự báo nắng nóng mỗi ngày ban hành 02 bản tin vào 9 giờ 30 và 15 giờ 30; trong trường hợp xảy ra nắng nóng đặc biệt gay gắt và khả năng kéo dài, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán

a) Tin dự báo, cảnh báo hạn hán đầu tiên được ban hành khi phát hiện nguy cơ có khả năng xuất hiện hạn hán trong khu vực cảnh báo, dự báo;

b) Tin dự báo, cảnh báo hạn hán tiếp theo được ban hành 10 ngày 01 bản tin sau khi ban hành bản tin đầu tiên vào các ngày 10, 20 và ngày cuối tháng; trong trường hợp hạn hán diễn biến phức tạp, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tin cảnh báo xâm nhập mặn được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực cảnh báo.

b) Tin dự báo xâm nhập mặn đầu tiên được ban hành khi xuất hiện hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực dự báo.

Các tin dự báo xâm nhập mặn tiếp theo được ban hành 10 ngày 01 bản tin sau khi ban hành bản tin đầu tiên vào các ngày 10, 20 và ngày cuối tháng; trong trường hợp xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

Mục 4
BÁO TIN ĐỘNG ĐẤT, CẢNH BÁO SÓNG THẦN

Điều 19. Ban hành tin động đất

Tin động đất được ban hành khi:

1. Xảy ra những trận động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) có ảnh hưởng đến Việt Nam.

2. Những trận động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

Điều 20. Nội dung tin động đất

1. Tiêu đề tin động đất.

2. Thời gian xảy ra động đất: Báo theo giờ GMT và giờ Hà Nội.

3. Địa điểm xảy ra động đất: Tên địa phương, tọa độ chấn tâm, độ sâu chấn tiêu.

4. Độ lớn động đất, cường độ chấn động ở khu vực chấn tâm và các địa phương lân cận: Báo theo thang MSK-64.

5. Hậu quả có thể xảy ra do động đất.

6. Cấp độ rủi ro thiên tai do động đất theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 21. Ban hành tin cảnh báo sóng thần

Tin cảnh báo sóng thần được ban hành khi:

1. Những trận động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

2. Những trận sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam.

Điều 22. Các loại tin cảnh báo sóng thần

1. Tin cảnh báo sóng thần được báo theo 3 mức:

a) Tin cảnh báo sóng thần mức 1: được ban hành khi phát hiện động đất mạnh, có khả năng gây sóng thần, khuyến cáo sẵn sàng sơ tán;

b) Tin cảnh báo sóng thần mức 2: được ban hành khi đã phát hiện sóng thần không có sức hủy diệt, nhưng cần đề phòng sóng lớn gây thiệt hại ở vùng ven biển, khuyến cáo sẵn sàng sơ tán;

c) Tin cảnh báo sóng thần mức 3: được ban hành khi đã phát hiện sóng thần có sức hủy diệt, phải sơ tán ngay lập tức.

2. Tin hủy cảnh báo sóng thần

Tin hủy cảnh báo sóng thần được ban hành khi sóng thần không xảy ra như đã cảnh báo.

3. Tin cuối cùng về sóng thần

Tin cuối cùng về sóng thần được ban hành khi sóng thần kết thúc hoàn toàn.

Điều 23. Nội dung tin cảnh báo sóng thần

1. Tiêu đề tin cảnh báo sóng thần, quy định tại khoản 1 Điều 22 Quyết định này.

2. Nhận định về sóng thần

a) Vị trí, thời gian, độ lớn, tọa độ chấn tâm, độ sâu chấn tiêu của động đất;

b) Khả năng xảy ra sóng thần, mức độ nguy hiểm và khu vực có thể bị ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần;

c) Độ cao sóng thần tại bờ biển và thời gian sẽ ảnh hưởng.

3. Yêu cầu sơ tán tùy theo mức tin cảnh báo.

4. Cấp độ rủi ro thiên tai do sóng thần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Mục 5
DỰ BÁO, CẢNH BÁO CÁC LOẠI THIÊN TAI LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN, HẢI VĂN KHÁC

Điều 24. Dự báo, cảnh báo các loại thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn khác

1. Ban hành bản tin dự báo đối với các loại thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn khác có thể xác định được cường độ, mức độ nguy hiểm, phạm vi, thời điểm có thể xảy ra và cấp độ rủi ro thiên tai, bao gồm rét hại, sương muối, sương mù, gió mạnh trên biển.

2. Ban hành bản tin cảnh báo đối với các loại thiên tai khí tượng, thủy văn khác có thể xác định được cường độ, mức độ nguy hiểm, cấp độ rủi ro thiên tai, nhưng không thể xác định chính xác phạm vi và thời điểm có thể xảy ra, bao gồm lốc, sét, mưa đá, nước dâng không do áp thấp nhiệt đới, bão.

3. Tin dự báo, cảnh báo các loại thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn khác có thể được biên soạn thành bản tin độc lập hoặc lồng ghép trong các bản tin dự báo thời tiết, tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ.

Điều 25. Nội dung, hình thức, thời gian và tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo các loại thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn khác

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của từng loại thiên tai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Quyết định này, cơ quan dự báo, cảnh báo thiên tai ban hành bản tin với nội dung, hình thức, thời gian và tần suất phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

Chương III
TRUYỀN TIN VỀ THIÊN TAI

Điều 26. Cung cấp tin về thiên tai

1. Cơ quan, tổ chức ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai quy định tại Điều 5 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp bản tin cho các cơ quan lãnh đạo Nhà nước; các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức hoạt động liên quan đến phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; các cơ quan, tổ chức truyền tin về thiên tai.

2. Danh sách các cơ quan, tổ chức được cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai quy định tại Phụ lục V Quyết định này.

Điều 27. Thời gian và phương thức cung cấp tin về thiên tai

1. Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai được cung cấp cho các cơ quan quy định tại Phụ lục V Quyết định này trong thời gian chậm nhất là 15 phút kể từ thời điểm hoàn thành bản tin dự báo, cảnh báo gần nhất.

2. Bản tin động đất, tin cảnh báo sóng thần được cung cấp ngay sau khi hoàn thành cho các cơ quan quy định tại Phụ lục V Quyết định này.

3. Phương thức cung cấp tin về thiên tai

a) Hệ thống thông tin công cộng, bao gồm mạng viễn thông cố định mặt đất, mạng viễn thông di động mặt đất, mạng bưu chính công cộng; mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh, hệ thống phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương;

b) Hệ thống thông tin chuyên dùng, bao gồm hệ thống đường dây nóng phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai; hệ thống thông tin, liên lạc, phát thanh chuyên dùng của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ; hệ thống thông tin liên lạc của Bộ đội Biên phòng; hệ thống thông tin cảnh báo sóng thần, kết hợp cảnh báo thiên tai khác; hệ thống dịch vụ thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của các doanh nghiệp viễn thông.

Điều 28. Chế độ truyền phát tin về áp thấp nhiệt đới, bão, lũ

1. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam

a) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin bão gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin cảnh báo lũ và Tin lũ, tổ chức phát tin 02 giờ một lần vào đầu giờ, liên tục cả ngày và đêm trên các kênh phát sóng của Đài; trường hợp chưa nhận được tin mới thì tiếp tục phát lại tin cũ gần nhất;

b) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền và Tin lũ khẩn cấp, tổ chức phát ngay 02 lần liên tiếp, sau đó mỗi giờ phát lại một lần vào đầu giờ, liên tục cả ngày và đêm trên các kênh phát sóng của Đài cho đến khi nhận được tin mới, hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin.

2. Đối với Đài Truyền hình Việt Nam

a) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin bão gần Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin cảnh báo lũ và Tin lũ, tổ chức phát tin vào các chương trình thời sự gần nhất trên các kênh của Đài và sau 03 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền, Tin lũ khẩn cấp, tổ chức phát ngay trên các kênh của Đài và sau 02 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin;

d) Khi phát tin về thiên tai, yêu cầu đưa đầy đủ, chính xác nội dung thông tin, phải chạy hàng chữ trên màn hình tóm tắt những nội dung cơ bản của bản tin.

3. Đối với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam

a) Ứng với mỗi loại hình thiên tai, mức độ rủi ro, phạm vi ảnh hưởng, đối tượng được cảnh báo, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ thực hiện truyền phát tin trên các phương thức, kênh tần số vô tuyến điện với tần suất thích hợp.

b) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão gần Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin bão bão khẩn cấp và Tin bão trên đất liền, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ truyền phát tin với tần suất trung bình như sau:

- Truyền phát bằng điện thoại vô tuyến với tần suất 16 phiên/01 bản tin nguồn nhận được.

- Truyền phát bằng điện văn vô tuyến với tần suất 02 phiên/01 bản tin nguồn nhận được.

c) Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ phát liên tục trong ngày đến khi bản tin nguồn nhận được không còn hiệu lực.

Điều 29. Chế độ truyền phát tin về động đất, cảnh báo sóng thần

1. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam

a) Tin động đất được truyền phát một lần ngay sau khi tiếp nhận và phát lại vào chương trình thời sự gần nhất;

b) Tin cảnh báo sóng thần mức 1 và Tin cảnh báo sóng thần mức 2 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và phát lại 02 lần, mỗi lần cách nhau 05 phút. Sau đó cứ 30 phút, phát lại tin đã phát cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần;

c) Tin cảnh báo sóng thần mức 3 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và phát lại 02 lần, mỗi lần cách nhau 05 phút. Sau đó cứ 20 phút, phát lại tin đã phát cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần;

d) Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần được truyền phát một lần ngay sau khi nhận được bản tin và phát lại vào chương trình thời sự gần nhất.

2. Đối với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam và hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần

a) Tin cảnh báo sóng thần mức 1 và Tin cảnh báo sóng thần mức 2 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và liên tục phát lại, mỗi lần cách nhau 10 phút cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần;

b) Tin cảnh báo sóng thần mức 3 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và liên tục phát lại, mỗi lần cách nhau 05 phút cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần;

c) Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và nhắc lại một lần sau đó 5 phút.

Điều 30. Chế độ truyền phát tin về các loại thiên tai khác

1. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước biển dâng do áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn và các thiên tai khác quy định tại Điều 24, Điều 25 Quyết định này nếu được lồng ghép trong các bản tin dự báo thời tiết, bản tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ thì việc truyền phát tin thực hiện theo chế độ truyền phát tin của bản tin chính.

2. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước biển dâng do áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn và các thiên tai khác quy định tại Điều 24, Điều 25 Quyết định này nếu được biên soạn thành bản tin độc lập thì việc truyền phát tin thực hiện theo yêu cầu của cơ quan ban hành bản tin.

Điều 31. Chế độ truyền phát tin khi ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai

Truyền tin tình trạng khẩn cấp về thiên tai trong trường hợp ban bố tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp trong các trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

Điều 32. Việc truyền phát tin về thiên tai của các tổ chức và cá nhân

Các tổ chức, cá nhân không quy định tại Điều 28, Điều 29 Quyết định này được khuyến khích truyền phát các bản tin thiên tai chính thức do các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 26 Quyết định này cung cấp hoặc các bản tin do Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC DỰ BÁO, CẢNH BÁO VÀ TRUYỀN TIN VỀ THIÊN TAI

Điều 33. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

1. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai

a) Tổ chức việc tiếp nhận, xử lý các bản tin báo tin động đất, bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Chỉ đạo Văn phòng thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai cập nhật, cung cấp thông tin thực tế về thiệt hại của thiên tai cho cơ quan dự báo, cảnh báo; hằng năm cung cấp cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin tổng hợp về thiên tai, tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung việc phân cấp độ rủi ro thiên tai;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đánh giá hiệu quả của bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai; tính kịp thời của các bản tin khi đến người sử dụng; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp hoặc còn thiếu nhằm hoàn thiện hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

2. Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

a) Tiếp nhận và xử lý theo chức năng, nhiệm vụ các tin dự báo, cảnh báo thiên tai do Tổng cục Khí tượng Thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Vật lý địa cầu trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam cung cấp;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đánh giá hiệu quả của bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai; tính kịp thời của các bản tin khi đến người sử dụng; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp hoặc còn thiếu nhằm hoàn thiện hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai, phù hợp với yêu cầu tìm kiếm, cứu nạn.

Điều 34. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dự báo, cảnh báo thiên tai;

b) Chỉ đạo Tổng cục Khí tượng Thủy văn ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn và cung cấp kịp thời các tin dự báo, cảnh báo thiên tai cho các cơ quan theo quy định;

c) Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn; tăng cường đầu tư phương tiện, thiết bị, công nghệ để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dự báo, cảnh báo thiên tai; bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

đ) Tiếp nhận thông tin phản hồi của các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân về chế độ phát tin, chất lượng và độ tin cậy của bản tin dự báo, cảnh báo;

e) Chủ trì, phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức đánh giá chất lượng các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác, sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai;

h) Chủ trì thẩm định các kịch bản cảnh báo sóng thần đối với Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, vận hành và tổ chức truyền phát tin cảnh báo sóng thần trên hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần;

b) Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý các hồ thủy lợi trong phạm vi quản lý của bộ thực hiện quy định về cung cấp thông tin về hồ chứa quy định tại Điều 37 Quyết định này.

3. Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng và các đơn vị thuộc bộ truyền phát kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên hệ thống thông tin liên lạc do bộ quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng và quản lý vận hành hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phối hợp với Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan thực hiện bắn pháo hiệu và vận hành cột tín hiệu báo áp thấp nhiệt đới, bão theo quy định tại Phụ lục VI và Phụ lục VIII Quyết định này.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành quy hoạch, phân bổ tần số phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biển;

b) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cao tốc độ, chất lượng các đường truyền kết nối giữa cơ quan ban hành bản tin dự báo, cảnh báo đến cơ quan truyền tin về thiên tai, cơ quan chỉ đạo phòng, chống và đến cộng đồng; mở rộng vùng phủ sóng trên biển, các đảo, vùng sâu, vùng xa;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động báo chí trong cả nước để tin dự báo, cảnh báo thiên tai đăng tải trên trên các phương tiện thông tin đại chúng đảm bảo chất lượng, nhanh chóng, đầy đủ và chính xác;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan, chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thiên tai, hướng dẫn sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai;

đ) Chỉ đạo doanh nghiệp thông tin di động nhắn tin theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

5. Bộ Giao thông vận tải

Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam thực hiện việc phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên các kênh thông tin của Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam theo quy định; nâng cao chất lượng phát sóng và tăng cường vùng phủ sóng thông tin trên biển và cho các đảo xa đất liền.

6. Bộ Công Thương

Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý các hồ thủy điện trong phạm vi quản lý của Bộ thực hiện quy định về cung cấp thông tin về hồ chứa quy định tại Điều 37 Quyết định này.

7. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

a) Chỉ đạo Viện Vật lý địa cầu xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc phục vụ báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; cập nhật, hoàn thiện các kịch bản cảnh báo sóng thần; ban hành các bản tin động đất, cảnh báo sóng thần; cung cấp tin động đất, cảnh báo sóng thần cho các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục V và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Viện Vật lý địa cầu;

b) Nghiên cứu, đề xuất các phương pháp, giải pháp khoa học công nghệ trong công tác báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức về động đất, sóng thần và hướng dẫn sử dụng tin động đất, cảnh báo sóng thần.

8. Các bộ, ngành khác

a) Ngay sau khi có bản tin dự báo, cảnh báo đầu tiên về thiên tai, trong phạm vi quản lý của mình, chủ động cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và các cơ quan có liên quan những thông tin về các khu vực, các lĩnh vực hoạt động nhạy cảm, dễ bị tác động bởi thiên tai để tổ chức dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai có hiệu quả;

b) Truyền phát ngay các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc để chủ động phòng, tránh;

c) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các quy định dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Điều 35. Trách nhiệm của các cơ quan thông tấn, báo chí

1. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam

a) Tổ chức truyền phát tin về thiên tai theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Quyết định này;

b) Trong các chương trình thời sự cần phát đầy đủ, chính xác nội dung các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 17, Điều 20, Điều 23 và Điều 25; trong các bản tin chuyên đề, bình luận theo chương trình của Đài, được biên tập lại một phần bản tin về thiên tai, nhưng không được làm sai lệch nội dung của bản tin;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình nhằm tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai và khai thác sử dụng hiệu quả các tin dự báo, cảnh báo thiên tai;

d) Thông báo kịp thời cho các cơ quan cung cấp bản tin thiên tai ý kiến phản hồi của khán giả, thính giả về chất lượng, nội dung, hình thức các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và diễn biến thiên tai thực tế.

2. Đài phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố

a) Phát lại các bản tin dự báo, cảnh báo gần nhất về thiên tai do Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát. Đối với các tỉnh, thành phố không nằm trong vùng xảy ra thiên tai, có thể biên tập một phần bản tin cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

b) Phát tin dự báo, cảnh báo về thiên tai do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh cung cấp trong chương trình thời sự gần nhất của Đài;

c) Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, các sở, ngành có liên quan xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình nhằm tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai tại địa phương và khai thác sử dụng hiệu quả các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai.

3. Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam

Tổ chức phát tin về thiên tai theo quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 29 và Điều 31 Quyết định này.

4. Các cơ quan báo chí

Đưa tin đầy đủ, chính xác nội dung các bản tin quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 17, Điều 20, Điều 23 và Điều 25 Quyết định này. Trong các bản tin chuyên đề, bình luận được biên tập lại một phần bản tin về thiên tai, nhưng không được làm sai lệch nội dung của bản tin.

Điều 36. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, các Đài phát thanh cấp huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai;

b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin của chủ các công trình hồ chứa theo quy định tại Điều 37 Quyết định này;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thiên tai; dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh; chỉ đạo các Đài phát thanh cấp huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, tuyên truyền, phổ biến đến từng cộng đồng dân cư để chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai trên địa bàn.

Điều 37. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý các công trình hồ chứa

Trong thời gian có lũ, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình hồ chứa nước, ngoài việc báo cáo, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định, phải cung cấp cho cơ quan khí tượng thủy văn số liệu quan trắc, đo đạc liên quan đến điều tiết hồ, bao gồm:

1. Mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu hồ;

2. Lưu lượng nước vào hồ, lưu lượng nước xả về hạ lưu đập;

3. Dự tính mực nước hồ;

4. Thời gian dự kiến xả lũ; lưu lượng lũ dự kiến xả theo thời gian.

Điều 38. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển, phương tiện thông tin cá nhân

1. Trang bị các thiết bị thông tin cần thiết để tiếp nhận tin dự báo, cảnh báo thiên tai; duy trì thông tin liên lạc giữa các chủ phương tiện với nhau và với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác.

2. Khi nhận được tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão và tin cảnh báo sóng thần, phải thông báo ngay số lượng người, vị trí hoạt động và số hiệu của tàu,

thuyền trên biển cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác để kịp thời hướng dẫn di chuyển, phòng tránh.

3. Khi phát hiện có hiện tượng thiên tai trên biển, phải thông báo ngay cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam và hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng.

4. Tổ chức, cá nhân có các phương tiện thông tin đã được cấp phép sử dụng, được phép truyền tin về thiên tai, chịu trách nhiệm bảo đảm độ chính xác, tin cậy của bản tin do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 và thay thế Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức công bố, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định; theo dõi, tổng hợp, báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

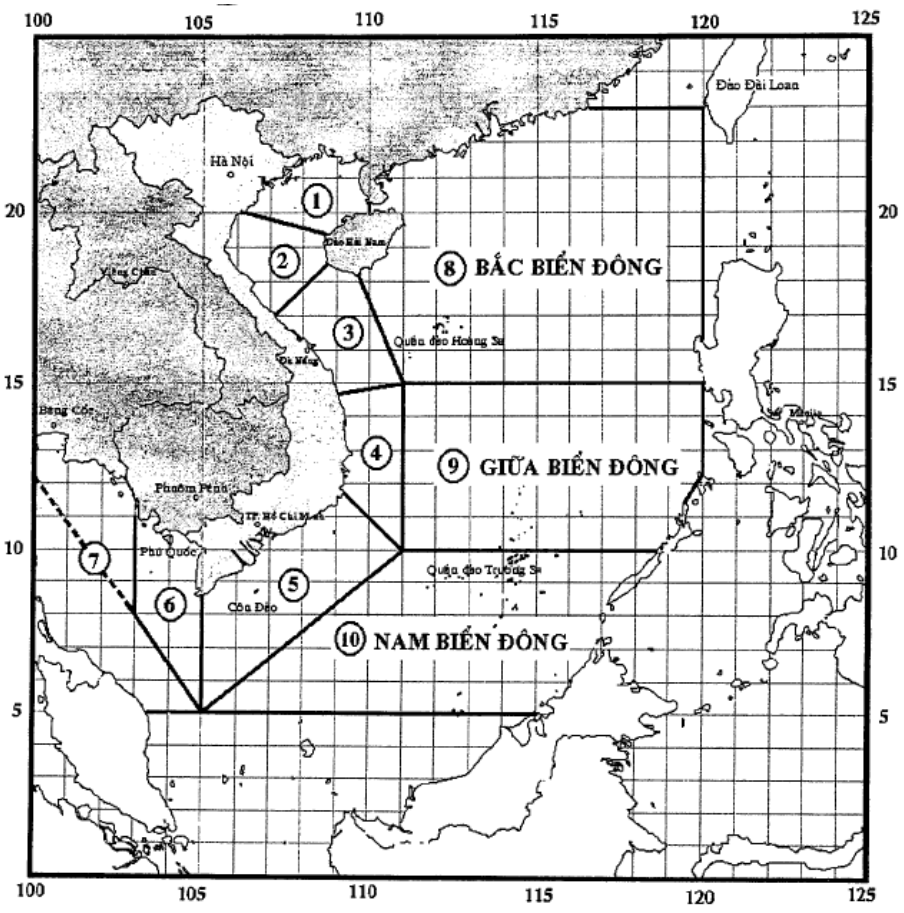
Trịnh Đình Dũng

Phụ lục I

SƠ ĐỒ KHU VỰC THEO DÕI

VÀ DỰ BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)



Chú thích:

① Bắc Vịnh Bắc Bộ

② Nam Vịnh Bắc Bộ

③ Vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi

④ Vùng biển từ Bình Định đến Ninh Thuận

⑤ Vùng biển từ Bình Thuận đến Cà Mau

⑥ Vùng biển từ Cà Mau đến Kiên Giang

⑦ Vịnh Thái Lan

⑧ Bắc Biển Đông

⑨ Giữa Biển Đông

⑩ Nam Biển Đông

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC SÔNG DO TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA DỰ BÁO, CẢNH BÁO LŨ

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
1	Hà Nội	Hồng	Hà Nội
2	Hòa Bình	Đà	Hồ Hòa Bình
3	Yên Bái	Thao	Yên Bái
4	Phú Thọ	Thao	Phú Thọ
5		Lô	Vụ Quang
6	Tuyên Quang	Lô	Tuyên Quang
7	Hải Dương	Thái Bình	Phả Lại
8	Bắc Ninh	Cầu	Đáp Cầu
9	Bắc Giang	Thương	Phủ Lạng Thương
10		Lục Nam	Lục Nam
11	Ninh Bình	Hoàng Long	Bến Đế
12	Thanh Hóa	Mã	Giàng
13	Nghệ An	Cả	Nam Đàn
14	Hà Tĩnh	La	Linh Cảm
15	Quảng Bình	Gianh	Mai Hóa
16	Thừa Thiên Huế	Hương	Huế (Kim Long)
17	Quảng Nam	Thu Bồn	Câu Lâu
18	Quảng Ngãi	Trà Khúc	Trà Khúc
19	Bình Định	Kôn	Thạnh Hòa
20	Phú Yên	Đà Rằng	Phú Lâm
21	An Giang	Tiền	Tân Châu
22		Hậu	Châu Đốc

Phụ lục III

DANH SÁCH CÁC SÔNG DO CÁC ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC VÀ CÁC ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH DỰ BÁO, CẢNH BÁO LŨ

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
I	**Đài KTTV khu vực Tây Bắc**		
1	Sơn La	Mã	Xã Là
2		Đà	Tạ Bú
3		Nậm Pàn	Hát Lót
4	Lai Châu	Đà	Mường Tè
5		Nậm Bum	Nà Hừ
6		Nậm Na	Nậm Giàng
7		Nậm Mu	Tà Gia
8	Điện Biên	Đà	Mường Lay
9		Nậm Nưa	Bản Yên
10		Nậm Mức	Na Sang
11	Hòa Bình	Đà	Hòa Bình
12		Bôi	Hưng Thi
13		Bùi	Lâm Sơn
II	**Đài KTTV khu vực Việt Bắc**		
1	Phú Thọ	Lô	Vụ Quang
2		Thao	Phú Thọ
3		Lô	Việt Trì
4	Lào Cai	Thao	Lào Cai
5		Chảy	Long Phúc (Bảo Yên)

6	Yên Bái	Thao	Yên Bái
7	Hà Giang	Lô	Hà Giang
8	Tuyên Quang	Lô	Tuyên Quang
9	Bắc Kạn	Cầu	Bắc Kạn
10	Thái Nguyên	Cầu	Gia Bảy
11	Vĩnh Phúc	Phó Đáy	Quảng Cư
III	**Đài KTTV khu vực Đông Bắc**		
1	Hải Phòng	Luộc	Chanh Chử
2		Văn Úc	Trung Trang
3	Cao Bằng	Bằng Giang	Bằng Giang
4		Gâm	Bảo Lạc
5	Lạng Sơn	Kỳ Cùng	Lạng Sơn
6		Trung	Hữu Lũng
7		Bắc Giang	Văn Mịch
8	Bắc Giang	Thương	Phủ Lạng Thương
9			Cầu Sơn
10		Lục Nam	Lục Nam
11			Chũ
12			Cẩm Đàn
13	Bắc Ninh	Đuống	Bến Hồ
14		Cầu	Đáp Cầu
15			Phúc Lộc Phương
16	Quảng Ninh	Tiên Yên	Bình Liêu
17		Kinh Thầy	Bến Triều
IV	**Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ**		
1	Hà Nội	Hồng	Sơn Tây
2			Hà Nội

3		Đáy	Ba Thá
4		Đà	Trung Hà
5		Đuống	Thượng Cát
6	Hải Dương	Kinh Môn	An Phụ
7		Gùa	Bá Nha
8		Thái Bình	Phả Lại
9		Rạng	Quảng Đạt
10	Hưng Yên	Hồng	Hưng Yên
11		Luộc	La Tiến
12	Thái Bình	Trà Lý	Thành phố Thái Bình
13		Hồng	Tiến Đức
14			Ba Lạt
15		Luộc	Triều Dương
16		Trà Lý	Đông Quý
17	Nam Định	Đào	Nam Định
18		Ninh Cơ	Trực Phương
19			Phú Lễ
20	Ninh Bình	Hoàng Long	Bến Đế
21			Gián Khẩu
22		Đáy	Ninh Bình
23			Như Tân
24	Hưng Yên	Hồng	Hưng Yên
25	Hà Nam	Đáy	Phủ Lý
V	**Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ**		
1	Nghệ An	Hiếu	Nghĩa Khánh
2		Cả	Con Cuông
3			Dừa

4			Đô Lương
5			Nam Đàn
6	Thanh Hóa	Mã	Cẩm Thủy
7			Lý Nhân
8			Giàng
9		Chu	Bái Thượng
10			Xuân Khánh
11		Bưởi	Kim Tân
12		Lèn	Lèn
13		Yên	Chuối
14	Hà Tĩnh	Ngàn Sâu	Chu Lễ
15			Hòa Duyệt
16		Ngàn Phố	Sơn Diệm
17		La	Linh Cảm
VI	**Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ**		
1	Quảng Bình	Gianh	Mai Hóa
2		Kiến Giang	Lệ Thủy
3	Quảng Trị	Hiếu	Đông Hà
4		Thạch Hãn	Thạch Hãn
5		Bến Hải	Hiền Lương
6	Thừa Thiên Huế	Hương	Huế (Kim Long)
7		Bồ	Phú Ốc
8		Ô Lâu	Phong Bình
9		Truồi	Cầu Truồi
10	Quảng Nam	Vu Gia	Ái Nghĩa
11		Thu Bồn	Giao Thủy
12			Câu Lâu
13			Hội An

14		Tam Kỳ	Tam Kỳ
15	Đà Nẵng	Hàn	Cẩm Lệ
16	Quảng Ngãi	Trà Khúc	Trà Khúc
17		Vệ	Sông Vệ
18		Trà Câu	Trà Câu
19		Trà Bồng	Châu Ổ
VII	**Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ**		
1	Khánh Hòa	Cái Nha Trang	Đồng Trăng
2		Cái Nha Trang	Diên Phú
3		Dinh Ninh Hòa	Ninh Hòa
4	Bình Định	Lại Giang	An Hòa
5		Lại Giang	Bồng Sơn
6		Kôn	Vĩnh Sơn
7		Kôn	Bình Nghi
8		Kôn	Thạnh Hòa
9	Phú Yên	Kỳ Lộ	Xuân Quang
10		Kỳ Lộ	Hà Bằng
11		Ba	Củng Sơn
12		Ba	Phú Lâm
13	Ninh Thuận	Cái Phan Rang	Tân Mỹ
14		Cái Phan Rang	Phan Rang
15	Bình Thuận	La Ngà	Tà Pao
16		Lũy	Sông Lũy
17		Cái - Cà Ty	Phan Thiết

VIII	**Đài KTTV khu vực Tây Nguyên**		
1	Gia Lai	Ayun	PơMơRê
2		Ba	An Khê
3		Ba	Ayunpa
4	Kon Tum	PôKô	Đắk Mốt
5		ĐakBla	Kon Plông
6		ĐakBla	Kon Tum
7		Đắk Tờ Kan	Đắk Tô
8	Đắk Lắk	Krông Buk	Krông Buk
9		KrôngAna	Giang Sơn
10		SêRêPok	Bản Đôn
11	Đắk Nông	Krông Nô	Đức Xuyên
12		SêRêPok	Cầu 14
13		Đắk Nông	Đắk Nông
14	Lâm Đồng	La Ngà	Đại Nga
15		Cam Ly	Thanh Bình
IX	**Đài KTTV khu vực Nam Bộ**		
1	Thành phố Hồ Chí Minh	Sài Gòn	Phú An
2		Đồng Nai	Nhà Bè
3	Bà Rịa - Vũng tàu		Vũng Tàu
4	Bình Dương	Sài Gòn	Dầu Tiếng
5		Sài Gòn	Thủ Dầu Một
6		Bé	Phước Hòa
7	Đồng Nai	Đồng Nai	Biên Hòa
8		Đồng Nai	Tà Lài
9		La Ngà	Phú Hiệp
10	Tây Ninh	Vàm Cỏ Đông	Gò Dầu Hạ
11		Bến Đá	Cần Đăng

12	Long An	Kênh Hồng Ngự	Tân Hưng
13		Kênh Cái Bát	Hưng Điền B
14		Kênh 79	Vĩnh Đại
15		Kênh 28	Vĩnh Hưng
16		Kênh Dương Văn Dương, Kênh 12	Kiến Bình
17		Vàm Cỏ Tây	Tuyên Nhơn
18		Vàm Cỏ Tây	Mộc Hóa
19	Tiền Giang	Tiền	Mỹ Tho
20		Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Hậu Mỹ Bắc
21	Bến Tre	Tiền	Chợ Lách
22	Vĩnh Long	Rạch Ba Càng	Ba Càng
23		Rạch Cái Cối	Phú Đức
24		Rạch Ngã Chánh	Nhà Đài
25		Cửu Long	Mỹ Thuận
26	Trà Vinh	Cổ Chiên	Trà Vinh
27		Hậu	Cầu Quan
28	Sóc Trăng	Hậu	Đại Ngãi
29		Hậu	Trần Đề
30	Hậu Giang	Cái Côn	Phụng Hiệp
31		Xà No	Vị Thanh
32	Cần Thơ	Ô Môn	Ô Môn
33		Thốt Nốt	Thốt Nốt
34		Hậu	Cần Thơ
35		Cái Sắn	Bốn Tổng

36	An Giang	Rạch Ông Chưởng	Chợ Mới
37		Tiền	Tân Châu
38		Hậu	Châu Đốc
39		Hậu	Long Xuyên
40		Vĩnh Tế	Xuân Tô
41		Kênh Tri Tôn	Tri Tôn
42	Đồng Tháp	Kênh Hồng Ngự	Hồng Ngự
43		Kênh Đồng Tiến	Tràm Chim
44		Tiền	Cao Lãnh
45		Kênh Phước Xuyên	Trường Xuân
46		Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Mỹ An
47		Kênh Sa Đéc	Tân Qui Tây
48	Kiên Giang	Kênh Cái Sắn	Tân Hiệp
49		Kênh T5	Nông Trường
50		Cái lớn	Xẻo Rô
51	Bạc Liêu	Gành Hào	Gành Hào
52	Cà Mau	Gành Hào	Cà Mau
53		Cửa Lớn	Năm Căn
54		Ông Đốc	Sông Đốc

Phụ lục IV

BẢNG CẤP GIÓ VÀ CẤP SÓNG

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Cấp gió	**Tốc độ gió**		**Độ cao sóng trung bình**	**Mức độ nguy hại**
Bô-pho	m/s	km/h	m	
0	0 - 0,2	< 1	-	
1	0,3 - 1,5	1 - 5	0,1	Gió nhẹ
2	1,6 - 3,3	6 - 11	0,2	Không gây nguy hại
3	3,4 - 5,4	12 - 19	0,6	
4	5,5 - 7,9	20 - 28	1,0	- Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, ảnh hưởng đến lúa đang phơi màu - Biển hơi động. Thuyền đánh cá bị chao nghiêng, phải cuốn bớt buồm
5	8,0 - 10,7	29 - 38	2,0	
6	10,8 - 13,8	39 - 49	3,0	- Cây cối rung chuyển. Khó đi ngược gió. - Biển động. Nguy hiểm đối với tàu, thuyền.
7	13,9 - 17,1	50 - 61	4,0	
8	17,2 - 20,7	62 - 74	5,5	- Gió làm gãy cành cây, tốc mái nhà gây thiệt hại về nhà cửa. Không thể đi ngược gió. - Biển động rất mạnh. Rất nguy hiểm đối với tàu, thuyền
9	20,8 - 24,4	75 - 88	7,0	
10	24,5 - 28,4	89 - 102	9,0	- Làm đổ cây cối, nhà cửa, cột điện. Gây thiệt hại rất nặng. - Biển động dữ dội. Làm đắm tàu biển
11	28,5 - 32,6	103 - 117	11,5	

12	32,7 - 36,9	118 - 133	14,0	- Sức phá hoại cực kỳ lớn.
13	37,0 - 41,4	134 - 149		- Sóng biển cực kỳ mạnh. Đánh đắm tàu biển có trọng tải lớn
14	41,5 - 46,1	150 - 166		
15	46,2 - 50,9	167 - 183		
16	51,0 - 56,0	184 - 201		
17	56,1 - 61,2	202 - 220		

Phụ lục V

DANH SÁCH CƠ QUAN CUNG CẤP VÀ CƠ QUAN ĐƯỢC CUNG CẤP TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THIÊN TAI

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Cơ quan được cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn	Cơ quan cung cấp tin động đất, cảnh báo sóng thần
1	Văn phòng Trung ương Đảng	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
2	Văn phòng Chính phủ	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
3	Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
4	Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
5	Bộ Quốc phòng	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
6	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
7	Bộ Công Thương	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
8	Bộ Giao thông vận tải	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu

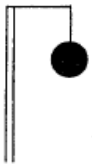
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
11	Bộ Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
12	Bộ Công an	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
13	Đài Tiếng nói Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
14	Đài Truyền hình Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
15	Thông tấn xã Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
16	Báo Nhân dân	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
17	Cổng Thông tin điện tử Chính phủ	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
18	Công ty TNHH MTV thông tin điện tử hàng hải Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia	Viện Vật lý địa cầu
19	Văn phòng tỉnh ủy	Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	
20	Văn phòng UBND tỉnh	Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	
21	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	

22	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	
23	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh	Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	
24	Báo hàng ngày của tỉnh	Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh	
25	Các cơ quan khác	Theo đề nghị với các cơ quan thuộc Tổng cục KTTV, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Theo đề nghị với Viện Vật lý địa cầu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phụ lục VI

TÍN HIỆU BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Hình dạng tín hiệu	Ý nghĩa của tín hiệu
Một đèn nhấp nháy màu đỏ 	Đang có áp thấp nhiệt đới hoặc bão trên Biển Đông

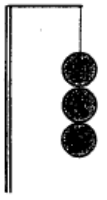
Ban ngày tàu, thuyền vận tải trên biển dùng cờ đuôi nheo thay tín hiệu đèn.

Cờ đuôi nheo màu đỏ (dạng tam giác vuông), chiều dài từ 1,00 m đến 1,50 m; chiều rộng bằng 1/2 chiều dài.

Phụ lục VII

TÍN HIỆU BÁO LŨ

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Tín hiệu	Hình dạng tín hiệu	Ý nghĩa của từng loại tín hiệu
Báo động số 1	Một đèn nhấp nháy màu xanh 	Mực nước trên khu vực khống chế đạt mức Báo động số 1
Báo động số 2	Hai đèn nhấp nháy màu xanh 	Mực nước trên khu vực khống chế đạt mức Báo động số 2
Báo động số 3	Ba đèn nhấp nháy màu xanh 	Mực nước trên khu vực khống chế đạt mức Báo động số 3

Phụ lục VIII

CHẾ ĐỘ VÀ ĐỊA ĐIỂM BẮN PHÁO HIỆU

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CHẾ ĐỘ BẮN PHÁO HIỆU BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

1. Khi có "Tin bão trên Biển Đông", "Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp", "Tin bão khẩn cấp", mỗi đêm bắn pháo hiệu 2 lần, mỗi lần 6 phát màu đỏ, chia làm 2 loạt, mỗi loạt bắn liền 3 phát, loạt bắn trước cách loạt bắn sau 3 phút.

2. Giờ bắn pháo hiệu lần 1 từ 19 giờ 30 đến 20 giờ 00, lần 2 từ 4 giờ 30 đến 5 giờ 00.

Trong trường hợp đặc biệt hoặc khẩn cấp, các đơn vị được chủ động tăng số lần bắn pháo hiệu, kể cả ban ngày.

II. ĐỊA ĐIỂM BẮN PHÁO HIỆU BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

1. Quân khu 3 bắn pháo hiệu tại 10 điểm:

- Tỉnh Quảng Ninh tại đảo Cô Tô (Đồn Biên Phòng (BP) 16) và đảo Ngọc Vừng (Đồn BP 24).

- Thành phố Hải Phòng tại đảo Cát Bà (Đồn BP 54), đảo Hòn Dáu/quận Đồ Sơn (Đồn BP 38), Trạm kiểm soát Long Châu/Cát Hải (Đồn BP 54).

- Tỉnh Thái Bình tại Cửa Diêm Điền/Thái Thụy (Đồn BP 64).

- Tỉnh Nam Định tại Ngọc Lâm/Nghĩa Hưng (Đồn BP 100), cửa Ba Lạt (Cồn Lu)/Xuân Thủy (Đồn BP 84), Doanh Châu/Hải Hậu (Đồn BP 92).

- Tỉnh Ninh Bình tại Cửa Đáy/Kim Sơn (Đồn BP 104).

2. Quân khu 4 bắn pháo hiệu tại 17 điểm:

- Tỉnh Thanh Hóa tại núi Đầu Bò/Hoằng Trường (Đồn BP 118), đảo Hòn Mê (do bộ đội trên đảo bắn), đảo Nẹ (do bộ đội trên đảo bắn), Trường Lệ/Sầm Sơn (Đồn BP 122), núi Du Xuyên/Tĩnh Gia (Đồn BP 126), đông nam đảo Nghi Sơn (Đồn BP 130).

- Tỉnh Nghệ An tại Hòn Mát (do bộ đội trên đảo bắn).

- Tỉnh Hà Tĩnh tại Cửa Sót/Thạch Hà (Đồn BP 164).

- Tỉnh Quảng Bình tại Cửa Sông Gianh (Đồn BP cửa khẩu cảng Cửa Gianh), Cửa Ròn/Quảng Trạch (Đồn BP 184), Trạm kiểm soát BP cửa Nhật Lệ/Đồng Hới (Đồn BP 196).

- Tỉnh Quảng Trị tại đảo Cồn Cỏ (do bộ đội trên đảo bắn), Cửa Việt/Gio Linh (Đồn BP cửa khẩu cảng Cửa Việt), khu vực Cửa Tùng (Đồn BP 204).

- Tỉnh Thừa Thiên Huế tại cửa Thuận An/Thị trấn Thuận An (Đồn cửa khẩu cảng Thuận An), khu vực Hải đăng cảng Chân Mây/huyện Phú Lộc (Đồn BP cảng Chân Mây), xã Phong Hải, huyện Phong Điền (Đồn BP 216); cửa Tư Hiền, huyện Phú Lộc (Đồn BP 228).

3. Quân khu 5 bắn pháo hiệu tại 16 điểm:

- Thành phố Đà Nẵng tại bán đảo Sơn Trà (Đồn BP 252), đèo Hải Vân/Liên Chiểu (Phòng Tham mưu BP Đà Nẵng).

- Tỉnh Quảng Nam tại Cù Lao Chàm/Hội An (Đồn BP 276), mũi Bàn Than/ Núi Thành (Đồn BP cửa khẩu cảng Kỳ Hà), Cửa Đại/thị xã Hội An (Đồn BP 260).

- Tỉnh Quảng Ngãi tại đảo Lý Sơn (Đồn BP 328), Sa Huỳnh/Đức Phổ (Đồn BP 304), Sơn Trà/Bình Sơn (Đồn BP cửa khẩu cảng Dung Quất).

- Tỉnh Bình Định tại Cù Lao Xanh/thành phố Quy Nhơn (Đồn BP 332).

- Tỉnh Phú Yên tại cửa Sông Cầu/Sông Cầu (Đồn BP 348).

- Tỉnh Khánh Hòa tại Bình Ba/Cam Ranh (Đồn BP 392), Hòn Mun/thành phố Nha Trang (Đồn BP 388), Đầm Môn/Vạn Ninh (Đồn BP 358).

- Tỉnh Ninh Thuận tại Sơn Hải/Ninh Phước (Đồn BP 416), Nhơn Hải/Ninh Hải (Đồn BP 408), Vĩnh Hy/Ninh Hải (Đồn BP 404).

4. Quân khu 7 bắn pháo hiệu tại 7 điểm:

- Tỉnh Bình Thuận tại núi Cao Cát/Phú Quý (Đồn BP 464), Thanh Hải/Phan Thiết (Đồn BP 444).

- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Côn Đảo (Đồn BP 540), Bến Đá/thành phố Vũng Tàu (Đồn BP 522).

- Thành phố Hồ Chí Minh tại xã Thạch An/Cần Giờ (Đồn BP 554), Lý Nhơn/ Cần Giờ (Đồn BP 554), Đông Hòa/Cần Giờ (Đồn BP 562).

5. Quân khu 9 bắn pháo hiệu tại 19 điểm:

- Tỉnh Tiền Giang tại Vàm Láng/Gò Công Đông (Đồn BP 578), Cửa Tiểu/Gò Công Đông (Đồn BP 582).

- Tỉnh Bến Tre tại cửa Hàm Luông/An Thủy (Đồn BP 598).

- Tỉnh Trà Vinh tại thị trấn Mỹ Long/Cầu Ngang (Đồn BP 618).

- Tỉnh Sóc Trăng tại cửa Trần Đề/Long Phú (Đồn BP 638), Vĩnh Châu/thị trấn Vĩnh Châu (Đồn BP 646).

- Tỉnh Bạc Liêu tại cửa Gành Hào/thị trấn Gành Hào (Đồn BP 668).

- Tỉnh Cà Mau tại Hòn Khoai/Ngọc Hiển (Đồn BP 700), cửa sông Ông Đốc/thị trấn Ông Đốc (Đồn BP 692), Hòn Chuối/Trần Văn Thời (Đồn BP 704), Kinh Hội/U Minh (Đồn BP 696).

- Tỉnh Kiên Giang tại An Thới/Phú Quốc (Đồn BP 750), đảo Thổ Chu/Phú Quốc (Đồn BP 770), Nam Du/Kiên Hải (Đồn BP 742), phường Vĩnh Lạc/Rạch Giá (Bộ Chỉ huy BP tỉnh Kiên Giang).

- Tỉnh An Giang tại Vĩnh Xương/Tân Châu (Đồn BP 905), Vĩnh Ngươn/Châu Đốc (Đồn BP 945).

- Tỉnh Đồng Tháp tại Thông Bình/Tân Hồng (Đồn BP 905), Cầu Ván/Hồng Ngự (Đồn BP 917).

6. Quân chủng Hải Quân bắn pháo hiệu tại 13 điểm:

- Đảo Bạch Long Vĩ

- Nam Long Châu 10 - 15 hải lý.

- Nam Hạ Mai 10 - 15 hải lý.

- Đông Mũi Sơn Trà 15 - 20 hải lý.

- Đông Nam Hòn Tre 15 - 20 hải lý.

- Đông Nam mũi Đá Vách 15 - 20 hải lý.

- Đông Nam Thổ Chu 30 hải lý.

- Đảo Đá Tây: 1 điểm.

- Lô 3/Phúc Tần: 1 điểm.

- Lô 1/Tư Chính: 1 điểm.

- Đảo Tốc Tan: 1 điểm.

- Khu vực Ba Kè (DK1/9).

- Bãi cạn Cà Mau (DK1/10).

- Đảo Đá Lớn.

- Đảo Nam Yết.

- Đảo Song Tử Tây.

7. Quân chủng Phòng không - Không quân.

Địa điểm các máy bay trực để sẵn sàng ứng cứu khi có thiên tai xảy ra:

- Sân bay Hòa Lạc.

- Sân bay Gia Lâm.

- Sân bay Đà Nẵng.

- Sân bay Tân Sơn Nhất.

8. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Ngoài việc triển khai bắn pháo hiệu theo sự phân công của quân khu và Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm - Cứu nạn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng triển khai bắn pháo hiệu tại 04 điểm: Hải đoàn 38 tại thành phố Hải Phòng, Hải đoàn 48 tại tỉnh Bình Định, Hải đoàn 28 tại tỉnh Kiên Giang, Hải đoàn 18 tại thành phố Vũng Tàu và 27 Hải đội Biên phòng của 27 tỉnh ven biển.

Phụ lục IX

CƯỜNG ĐỘ CHẤN ĐỘNG TRÊN MẶT ĐẤT (THEO THANG MSK-64)

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHÂN LOẠI THIỆT HẠI CÔNG TRÌNH

I. Kiểu công trình (Nhà xây dựng thiếu biện pháp kháng chấn)

Kiểu A: Nhà xây tường bằng đá có độ cứng kém, kiến trúc nông thôn; nhà xây tường bằng đất phiến, bằng đất sét.

Kiểu B: Nhà gạch thông thường, nhà kiểu khối lớn và bằng vật liệu đúc sẵn, nhà kiến trúc nửa gỗ, nhà xây bằng đá đẽo cứng.

Kiểu C: Nhà bằng bê tông cốt sắt, nhà bằng gỗ tốt.

II. Đặc trưng về số lượng

Ít: gần 5%, nhiều: gần 50%, đa số: gần 75%.

III. Phân hạng sự hư hại

Bậc 1 - Hư hại nhẹ: rạn lớp vữa và rơi vỡ những mảnh vữa nhỏ.

Bậc 2 - Hư hại vừa: vết nứt nhỏ ở tường, rơi vỡ những mảnh vữa khá lớn, rơi ngói, vết nứt ở ống khói, rơi những bộ phận của ống khói.

Bậc 3 - Hư hại nặng: vết nứt lớn và sâu ở tường, rơi ống khói.

Bậc 4 - Phá hoại: vết nứt xuyên qua tường, đổ sập những bộ phận của nhà cửa, phá hoại những chỗ liên kết giữa các bộ phận riêng lẻ của nhà cửa, đổ sập tường bên trong và tường khung.

Bậc 5 - Sụp đổ: phá hoại hoàn toàn nhà cửa.

B. PHÂN LOẠI TÁC ĐỘNG CỦA ĐỘNG ĐẤT THEO THANG MSK - 64

Cường độ chấn động (I)	Gia tốc cực đại nền g* (cm/s^2)	Mô tả các dấu hiệu
I		***Động đất không cảm thấy*** Độ mạnh của rung động dưới giới hạn cảm thấy; chỉ có máy đo mới phát hiện và ghi nhận được

II		***Động đất ít cảm thấy (rất nhẹ)*** Động đất chỉ cảm thấy bởi những người ở trạng thái yên tĩnh trong nhà
III		***Động đất yếu*** Động đất cảm nhận được bởi số ít người ở ngoài trời trong những điều kiện thuận lợi. Chấn động như được tạo nên bởi một xe ôtô vận tải nhẹ chạy qua. Đồ vật treo trong nhà đung đưa nhẹ, ở trên tầng gác cao thì đung đưa mạnh hơn.
IV		***Động đất nhận thấy rõ*** Động đất cảm nhận thấy bởi nhiều người ở trong nhà; ở ngoài trời bởi ít người. Đây đó có người ngủ tỉnh giấc song không có ai sợ hãi cả. Cửa kính, cửa ra vào, bát đĩa đập kêu lạch cạch. Sàn và tường nhà gỗ kêu cọt kẹt. Bàn ghế đồ đạc bắt đầu rung chuyển. Đồ vật treo đung đưa nhẹ. Nước đựng trong vật hở hơi sóng sánh. Người ngồi trong ôtô đỗ cảm nhận được động đất.
V	0,012 - 0,030	***Thức tỉnh*** Động đất cảm thấy ở trong nhà bởi mọi người, ở ngoài trời bởi nhiều người. Nhiều người ngủ bị tỉnh giấc. Một số ít người sợ hãi chạy ra khỏi nhà. Súc vật nhốn nháo. Nhà rung toàn bộ. Đồ vật treo đung đưa mạnh. Khung treo nhích khỏi chỗ. Trong trường hợp hiếm gặp đồng hồ quả lắc dừng lại. Một vài đồ vật không vững bị đổ hay xê dịch. Cửa sổ và cửa ra vào chưa cài bị mở toang rồi đóng sầm vào. Nước đựng đầy trong bình hở bị sánh ra ngoài một chút. Chấn động như tạo nên bởi những đồ vật nặng rơi trong nhà.

VI	0,03 - 0,06	***Sợ hãi*** Ở trong nhà cũng như ở ngoài trời, đa số người cảm nhận thấy động đất. Nhiều người đang ở trong nhà sợ hãi bỏ chạy ra ngoài. Một số ít người bị mất thăng bằng. Gia súc tháo chạy khỏi chuồng. Trong một số ít trường hợp, bát đĩa và đồ vật thủy tinh có thể bị vỡ, sách trên giá bị rơi xuống. Bàn ghế, đồ đạc nặng có thể di chuyển. Có thể nghe thấy tiếng của những chuông nhỏ trên tháp chuông vang lên. Ít nhà kiểu B và nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 1; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 2. Trong một số ít trường hợp nền đất ẩm có thể có vết nứt rộng tới 1 cm, ở miền núi có thể có trượt đất. Thay đổi lưu lượng nguồn nước và mực nước dưới giếng.
VII	0,06 - 0,12	***Hư hại nhà cửa*** Đa số người sợ hãi và chạy ra khỏi nhà. Nhiều người khó đứng vững. Người lái xe ôtô cũng nhận biết được động đất. Chuông lớn ở nhà thờ kêu vang. Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 1; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 2; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4. Trong những trường hợp riêng lẻ, có trượt đất ở đoạn đường nằm trên sườn dốc và có vết nứt ở mặt đường. Có hư hại ở chỗ nối ống dẫn, có vết nứt ở hàng rào bằng đá. Nổi sóng trên mặt hồ, nước trở thành vẩn đục vì bùn bị khuấy lên. Thay đổi mực nước dưới giếng và lưu lượng nguồn nước. Trong một số ít trường hợp, xuất hiện nguồn nước mới hoặc biến mất nguồn nước cũ. Trong những trường hợp riêng lẻ, có trượt lở đất ở bờ sông cấu thành từ cát hay sạn nhỏ.

VIII	0,12 - 0,24	***Phá hoại nhà cửa*** Sợ hãi khủng khiếp, ngay cả người lái ôtô cũng lo ngại. Đây đó cành cây bị gẫy. Bàn, ghế, đồ đạc nặng bị xê dịch và đôi khi bị lật đổ. Một số đèn treo bị hư hại. Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 2, một số ít bậc 3; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5. Có trường hợp gẫy chỗ nối ống dẫn. Đài và tượng kỷ niệm bị di chuyển. Bia đá bị đổ. Hàng rào bằng đá bị phá hoại. Trượt đất nhỏ ở sườn dốc đứng, ở chỗ hõm sâu và ở chỗ ụ của đường đi, nền đất bị nứt rộng tới vài cm. Xuất hiện bể nước mới. Đôi khi giếng cạn lại đầy nước hoặc giếng đang có nước lại bị khô. Trong nhiều trường hợp, thay đổi lưu lượng nguồn nước và mực nước giếng.
IX	0,24 - 0,48	***Hư hại hoàn toàn nhà cửa*** Khủng khiếp hoàn toàn. Bàn, ghế, đồ đạc bị hư hại nặng. Súc vật chạy nhốn nháo và kêu rống lên. Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 5. Đài kỷ niệm bị lật đổ, hư hại nặng bể nước nhân tạo; đứt gãy một phần ống dẫn ngầm. Có trường hợp đường sắt bị uốn cong và đường đi bị hư hại. Ở đồng bằng ngập nước thường thấy rõ những chỗ cát và bùn bị bồi lên. Nền đất bị nứt rộng tới 10 cm; còn ở sườn và bờ sông, quá 10 cm; ngoài ra còn nhiều vết rạn ở nền đất. Đá tảng bị sụt lở; có nhiều chỗ đất trượt và lở. Sóng to trên mặt nước.

X	0,48 - 0,80	***Phá hoại hoàn toàn nhà cửa*** Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 5, đa số nhà kiểu A bị hư hại bậc 5. Đê đập hư hại nguy hiểm, cầu hư hại nặng. Đường sắt hơi bị cong, ống dẫn ngầm bị cong hay gẫy. Lớp đá phủ và lớp nhựa đường đi tạo thành một mặt lượn sóng. Nền đất bị nứt rộng vài dm và trong vài trường hợp tới 1 m. Song song với lòng các dòng nước chảy, xuất hiện những đứt gãy rộng. Lở đá bở từ sườn dốc đứng. Có thể có trượt đất lớn ở bờ sông và bờ biển dốc đứng. Sánh nước ra ngoài kênh, hồ, sông,…, xuất hiện hồ nước mới.
XI	> 0,8	***Thảm họa*** Hư hại nặng ngay cả nhà xây tốt, cầu, đập nước và đường sắt; đường rải đá bị hỏng không dùng được nữa; ống dẫn ngầm bị phá hoại. Mặt đất bị biến dạng to thành vết nứt rộng, đứt gãy và di động theo các phương thẳng đứng và nằm ngang; núi sụt lở ở nhiều nơi. Muốn định cấp độ mạnh cần có khảo sát đặc biệt.
XII		***Thay đổi địa hình*** Hư hại nặng hay phá hoại thực sự mọi công trình ở trên và dưới mặt đất. Thay đổi hẳn mặt đất. Nền đất bị nứt lớn, bị di động theo các phương thẳng đứng và nằm ngang. Núi và bờ sông sụt lở trên những diện tích lớn. Xuất hiện hồ, hình thành thác, thay đổi dòng sông. Muốn định cấp độ mạnh cần có khảo sát đặc biệt.

Phụ lục X

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘ LỚN ĐỘNG ĐẤT (M), PHÂN LOẠI ĐỘNG ĐẤT, CƯỜNG ĐỘ CHẤN ĐỘNG TRÊN MẶT ĐẤT (I), TÁC ĐỘNG VÀ TẦN SUẤT XUẤT HIỆN ĐỘNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Độ lớn (M)	**Phân Loại**	**Cường độ chấn động trên bề mặt** (cấp)	**Tác động của động đất**	**Tần suất xuất hiện trung bình trên toàn thế giới mỗi năm** (ước tính)
< 2,0	Vi động đất	I	Không cảm thấy, hoặc cảm thấy bởi người rất nhạy cảm. Ghi được bởi các máy ghi động đất.	Liên tục, vài triệu trận mỗi năm
2,0 - 2,9	Yếu	I tới II	Một số người cảm nhận được rung động rất nhẹ. Không gây thiệt hại cho các công trình xây dựng.	Trên một triệu trận mỗi năm
3,0 - 3,9		II tới IV	Cảm thấy bởi một số người, nhưng hiếm khi gây thiệt hại. Có thể nhận thấy các đồ vật trong nhà rung động.	Trên 100.000 trận mỗi năm
4,0 - 4,9	Nhẹ	IV tới VI	Các đồ vật trong nhà rung động và phát ra tiếng ồn. Nhiều người cảm nhận thấy động đất. Người ở ngoài nhà cảm thấy rung động nhẹ. Nhìn chung không gây	10.000 tới 15.000 trận mỗi năm

			nên thiệt hại hoặc thiệt hại nhẹ. Rất hiếm khi gây thiệt hại trung bình tới thiệt hại đáng kể. Một số đồ vật trong nhà bị rơi.	
5,0 - 5,9	Trung bình	VI tới VIII	Có thể gây nên thiệt hại trung bình tới thiệt hại nặng cho các công trình xây dựng thiết kế kém. Không gây thiệt hại đến thiệt hại nhẹ cho các công trình được thiết kế tốt. Mọi người đều cảm nhận thấy động đất. Có thể gây chết người tùy thuộc vào hoàn cảnh tác động.	1.000 tới 1.500 trận mỗi năm
6,0 - 6,9	Mạnh	VII tới X	Có thể gây thiệt hại, phá hủy trong những vùng đông dân cư. Gây thiệt hại cho hầu hết các công trình xây dựng. Các công trình có thiết kế tốt vẫn tồn tại nhưng có thể bị hư hại nhẹ đến trung bình. Các công trình thiết kế kém bị hư hại trung bình đến hư hại nặng. Vùng cảm nhận thấy động đất rộng hơn, chắc chắn là tới hàng trăm km tính từ chấn tiêu động đất. Vùng xa chấn tiêu hơn cũng có thể hư hại ở mức độ bất kỳ. Rung động mạnh tới mãnh liệt trong vùng gần chấn tiêu. Ngưỡng thiệt hại về người giữa 0 và khoảng 25.000 người.	100 tới 150 trận mỗi năm

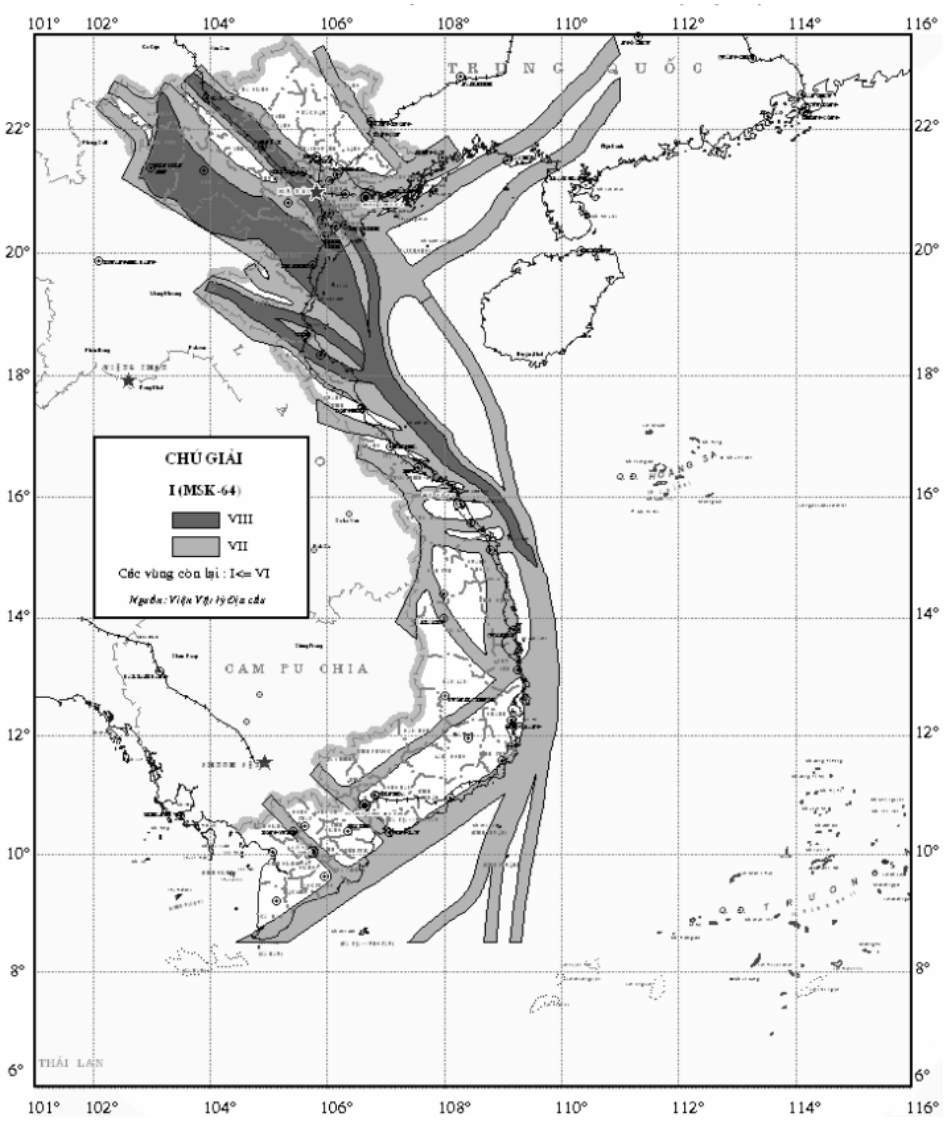
7,0 - 7,9	Lớn	VIII tới XII	Gây hư hại nhiều hoặc tất cả các công trình xây dựng trên nhiều vùng. Một số công trình bị sụp đổ một phần hoặc sụp đổ hoàn toàn hoặc bị hư hại nghiêm trọng. Các công trình được thiết kế tốt cũng chắc chắn bị hư hại. Cảm nhận được động đất trên những vùng rất rộng lớn. Ngưỡng thiệt hại về người thường giữa 0 và 250.000 người.	10 tới 20 trận mỗi năm
8,0 - 8,9	Hủy diệt		Gây hư hại nặng nề cho các công trình xây dựng được thiết kế kém và hầu hết mọi công trình chắc chắn bị phá hủy. Gây hư hại trung bình đến hư hại nặng cho các công trình bình thường và các công trình được thiết kế chống động đất. Gây hư hại trên những vùng rộng lớn. Có thể gây phá hủy hoàn toàn trên những vùng lớn bất thường. Ngưỡng thiệt hại về người thường giữa 100 và 1 triệu người; tuy nhiên một số trận động đất có độ lớn như vậy nhưng không gây nên thiệt hại về người.	1 trận mỗi năm (hiếm khi không, 2 hoặc hơn 2 trận mỗi năm)

9,0 - 9,9			Gây hư hại nghiêm trọng cho tất cả hoặc hầu hết mọi công trình xây dựng với mức phá hủy lớn. Gây hư hại và gây rung động tới những vị trí ở khá xa. Thay đổi địa hình mặt đất. Ngưỡng thiệt hại về người thường giữa 1.000 và vài triệu người.	1 trận trong 5 đến 50 năm
10,0 hoặc hơn	Khổng lồ	X tới XII	Gây hư hại, phá hủy trên những vùng rất rộng lớn. Phá hủy hầu như mọi công trình một cách hoàn toàn dễ dàng và nhanh chóng. Cảm nhận thấy động đất ở khoảng cách rất xa so với chấn tiêu (hàng nghìn dặm). Ngưỡng thiệt hại về người có thể vượt trên 25.000 người… Thay đổi lớn về địa hình mặt đất. Ảnh hưởng của động đất sẽ kéo dài trong một khoảng thời gian cực kỳ dài. Chưa ghi nhận được trận động đất nào có độ lớn như vậy.	Không có trận nào trong mỗi năm (còn chưa biết, cực kỳ hiếm, hoặc không thể/có thể không thể xảy ra)

Phụ lục XI

BẢN ĐỒ PHÂN VÙNG ĐỘNG ĐẤT TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM VÀ VÙNG PHỤ CẬN

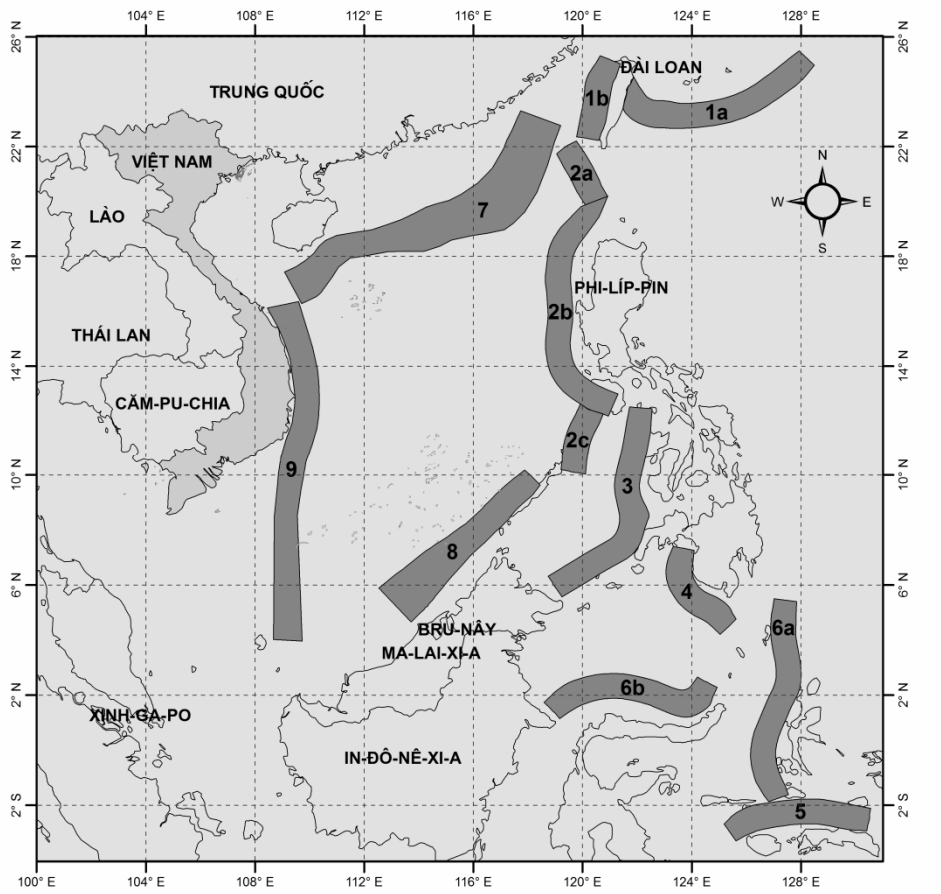
(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)



Phụ lục XII

BẢN ĐỒ CÁC VÙNG NGUỒN PHÁT SINH ĐỘNG ĐẤT CÓ KHẢ NĂNG GÂY SÓNG THẦN NGUY HIỂM CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)



Tên các vùng nguồn đánh số trên bản đồ: 1a, 1b - vùng nguồn biển Đài Loan; 2a, 2b, 2c - vùng nguồn Máng biển sâu Manila; 3 - vùng nguồn Biển Sulu; 4 - vùng nguồn Biển Selebes; 5 - vùng nguồn Biển Ban đa Nam; 6a, 6b - vùng nguồn Biển Ban đa Bắc; 7 - vùng nguồn Bắc Biển Đông; 8 - vùng nguồn Pa la oan; 9 - vùng nguồn Tây Biển Đông (Kinh tuyến 109^0).